

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Phú Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Tài** và bà **Hoàng Thị Tường Duy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18/2/2022, về: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1955(Vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1960(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Lý 2, xã T, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị S sống chung với nhau từ năm 1981 và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng dần dần trở nên trầm trọng, hiện nay ông bà tuy còn sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau và ông không còn tình cảm với bà S nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà S.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau được 07 người con chung, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải được. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Ông Phan Thanh T được ly hôn bà Nguyễn Thị S. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Phan Thanh Tập khởi kiện bà Nguyễn Thị S về việc “Tranh chấp ly hôn. Bị đơn bà Sừu có nơi cư trú tại Thôn Tân Lý 2, xã T, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

- Nguyên đơn ông Tập có đơn xin vắng mặt và bị đơn bà Sừu đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Sừu. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Sứ không có mặt để giải quyết vụ án này, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của bà Sứ được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa ông Tập và bà Sứ tự nguyện chung sống từ năm 1981, không có đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình, đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2001 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã lẫn nhau, hiện nay vợ chồng tuy còn sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên việc vợ chồng hàn gắn là rất khó. Ngoài ra, bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, điều này chứng tỏ bà Sứ không có thiện chí giữ gìn quan hệ hôn nhân, cũng như giữa ông, bà không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà S đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Tập ly hôn bà Sứ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: 07 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tập không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do ông T sinh năm 1955 nên theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Tập thuộc trường hợp miễn án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình Nghị quyết 35/2000
- Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Phan Thanh T được ly hôn bà Nguyễn Thị S.

[2] *Về con chung:* Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Phan Thanh Tập

[5] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Đương sự;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND xã Tân Bình

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Phú Phước

